

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		SAVR+RP2+RP1	7:25	14+1+1	0+0+0		14+4+1	0+0+0	Puma
2		PPD+P1+VSP02	7:25	21+1+0	0+0+0		20+1+0	0+0+0	Chuyen 1 P1-VSP02
3		BK19+BK21+P6	7:25	5+2+15	0+0+0		0+2+19	0+0+0	
4		TTCl+P8+P9	7:25	12+10+0	0+0+0		11+9+2	0+0+0	
5		SAVR+RP3	9:25	15+2	0+0		18+1	0+0	Puma
6		P4+PPD	9:25	16+6	0+0		7+15	0+0	
7		P6+P8	9:25	13+9	0+0		10+11	0+0	
8		P8+RP3	9:25	22+0	0+0		13+9	0+0	
9		TTc2+TTCl+TTc3	11:25	10+7+5	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
10		BK19+P4+BK15	11:25	6+8+7	0+0+0		4+7+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày: TTCl - 4 người; SAVR - 1 người; BK19- 4 người

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/04/2025		TO: SAVR - RP2 - RP1			AIRCRAFT: 614			ETD: 07:40		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: NKHÁNH - TRÍNH			ETA: 09:30		
TRANG-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI TRỌNG HUY	SAVR						69	NIPI	Vietnamese
2	PHẠM HỮU HUÂN	SAVR	54	1	13			63	KHOAN	Vietnamese
3	BUI ANH TU	SAVR	59	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
4	MAKAPOV E.B.	SAVR	16	1	10			86	ANTOAN	Russian
5	NGUYỄN TẤN PHONG	SAVR	12-13	2	14			71	PVDLOGG	Vietnamese
6	NEKRASOV IGOR	SAVR	51	1	16			97	AMNGR	Russian
7	BREZHNEV ARTEM	SAVR	52-53	2	12			75	AMNGR	Russian
8	GUKOV IVAN	SAVR	50	1	12			96	AMNGR	Russian
9	SMIRNOV VIKTOR	SAVR	17,45-46	3	17	2	9	88	AMNGR	Russian
10	MOILANEN SVETLANA	SAVR	47	1	12			62	AMNGR	Russian
11	NGUYỄN THẾ HUY	SAVR	14-15	2	12			83	AMNGR	Vietnamese
12	LAM VĂN NGHĨA	SAVR	57-58	2	16			82	AMNGR	Vietnamese
13	LÊ VĂN HUY	SAVR	56	1	14			67	AMNGR	Vietnamese
14	LÊ VĂN ĐỀ	SAVR	55	1	13			63	AMNGR	Vietnamese
15	LIU VAN DIEN	RP2	92-93	2	10			75	KH-THAC	Vietnamese
16	LUONG THE HAI	RP1	67	1	12	2	27	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	14	1.075	19	172	2	9	14		
2	RP2	1	75	2	10	0	0	4		
3	RP1	1	70	1	12	2	27	1		
TOTAL		16	1.220	22	194	4	36	19		
WEIGHT KG			1.220		194		36			

GRAND TOAL: 1.450 KGS


VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: PPD - P1 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: HÙNG - N.CƯƠNG - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	73	1	3			62	KHI	Vietnamese
2	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	26	1	3			73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC LÂM	PPD	61	1	4			72	KHI	Vietnamese
4	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	65	1	3			72	KHI	Vietnamese
5	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	64	1	5			78	KHI	Vietnamese
6	NGÔ SY THANH	PPD	60	1	5			89	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH VIÊN	PPD	59	1	6			66	KHI	Vietnamese
9	OKOVANTSEV G.F	PPD	52-53	2	14			77	KHI	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	50	1	11			116	KHI	Russian
11	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	56	1	4			69	KHI	Vietnamese
12	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	51	1	6			55	KHI	Vietnamese
13	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	62	1	5			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG HIỀN	PPD	74	1	4			55	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	66	1	3			76	KHI	Vietnamese
16	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	68	1	6			64	KHI	Vietnamese
17	LƯU VĂN CHIẾN	PPD	57-58	2	11			70	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH TUẤN	PPD	63	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH ĐỨC	PPD	54-55	2	14			61	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ TRUNG LÂN	PPD	67	1	3			81	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	71-72	2	11			75	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH TỬ	PPD	69-70	2	14			78	KHI	Vietnamese
	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	PI	19	1	7			77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	21	1.534	26	145	0	0	20		
2	P1	1	77	1	7	0	0	1	CHUYEN 1 PAX P1-VSP02	
3	VSP02	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	1.611	27	152	0	0	21		
WEIGHT KG			1.611		152		0			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: BK19 - BK21 - P6	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - NNAM	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU VAN TOAN	BK19						75	D-HANH	Vietnamese
2	TRAN DINH DUC	BK19	92	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ANH DUNG	BK19				2	40	90	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THI HANG	BK19	93	1	3			60	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN TIEN THANG	BK19	91	1	3			57	NIPI	Vietnamese
6	PHAN ĐANG TUẤN	BK21	21-22	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TRỌNG PHÚC	BK21	19-20	2	17	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
8	VAN MINH TÂN	P6	05	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH HAO	P6	95	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG LONG HAI	P6	09	1	5			88	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUU HUÂN	P6	07	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN PHU	P6	06	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG CHI TUYEN	P6	96	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC KHANH	P6	01-04	4	20			77	YTE	Vietnamese
15	BUI THANH LONG	P6	11	1	11			85	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG NAM PHUONG	P6	98-99	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN BANG	P6	97	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG TUẤN	P6	08	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	P6	94	1	13	4	23	78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TOAN	P6						75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ĐINH QUANG	P6	10	1	11			65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN LAM GIANG	P6	800	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	5	350	3	9	2	40	0		
2	BK21	2	142	4	27	1	20	2		
3	P6	15	1.118	18	121	4	23	19		
TOTAL		22	1.610	25	157	7	83	21		
WEIGHT KG			1.610		157		83			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: TTC1 - P8 - P9	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: PHÚ - VTHU - THÔNG	ETA: 09:35
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN PHÚC NGUYỄN	TTC1	45-46	2	15	2	35	87	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO MINH TIẾN	TTC1	41	1	14	1	11	68	XAYLAP	Vietnamese
3	QUẦN VĂN KHANH	TTC1	39-40	2	19	1	21	73	XAYLAP	Vietnamese
4	LIU SUNG BÀ	TTC1						58	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN THANH CÂN	TTC1						71	NIPI	Vietnamese
6	PHẠM ĐOÀN ĐỨC MINH	TTC1	42	1	3			88	NIPI	Vietnamese
7	LÊ GIA LONG	TTC1	44	1	2			80	NIPI	Vietnamese
8	MAI HUY SƠN	TTC1	43	1	4			65	NIPI	Vietnamese
9	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	38	1	4			109	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ HÙNG TUẤN	TTC1	36	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	37	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
12	CAO MINH HOANG	TTC1	35	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH QUANG TRUNG	P8	33	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC THĂNG	P8	31	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN ANH TRI	P8	27	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TU THĂNG	P8	28-29	2	12			62	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUANG HIẾN	P8						76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU DŨNG	P8	35	1	12			57	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO VĂN ĐÓN	P8	34	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN CHÂU NAM	P8	36	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN BÀ ĐẠT	P8	32	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	30	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC1	12	911	12	83	4	67	11		
2	P8	10	697	10	73	0	0	9		
3	P9	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	1.608	22	156	4	67	22		
WEIGHT KG			1.608		156		67			

GRAND TOAL: 1.831 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: SAVR - RP3	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:00
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: NKHANH - TRINH	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VIET THAI	SAVR	61	1	16			58	AMNGR	Vietnamese
2	LE QUANG NGHIỆP	SAVR	62	1	15	1	10	74	DMI	Vietnamese
3	NGUYEN HONG SON	SAVR	60	1	6			72	B-HUGHES	Vietnamese
4	VU TRUNG KIEN	RP3	83	1	13			82	KH-THAC	Vietnamese
5	KHARITONOV YURY	RP3	78	1	6			77	KHI	Russian
6	PHAM NGOC HUNG	RP3	82	1	5			84	KHI	Vietnamese
7	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	84	1	5			68	KHI	Vietnamese
8	VU MANH CUONG	RP3	91-92	2	11			71	KHI	Vietnamese
9	PHAM VAN KY	RP3	79	1	5			66	KHI	Vietnamese
10	TRAN THANH ĐỨC	RP3	85	1	5			100	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN VIET MINH HOANG	RP3	80	1	7			88	ANTOAN	Vietnamese
12	LE NGUYEN KINH CHAU	RP3	93	1	5			68	VIET PHAT	Vietnamese
13	PHAM QUOC KHANH	RP3	81	1	4			81	KHI	Vietnamese
14	HOANG VAN HAI	RP3	87	1	6			64	KHI	Vietnamese
15	VU ĐON LONG	RP3	88	1	5			78	KHI	Vietnamese
16	KHONG TIEN DUNG	RP3	89-90	2	19			77	KHI	Vietnamese
17	VU BAO THANH	RP3	76-77	2	22			87	NIPI	Vietnamese
18	HOANG NGOC HOA	RP3	86	1	6			65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	3	204	3	37	1	10	1		
2	RP3	15	1.156	18	124	0	0	18		
TOTAL		18	1.360	21	161	1	10	19		
WEIGHT KG			1.360		161		10			

GRAND TOAL: 1.531 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: P4 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG - THU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN ĐỨC ĐẠT	P4	41	1	13			70	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC ANH	P4	47-48	2	19			72	CODIEN	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐIỆP	P4	37-38	2	12			67	CODIEN	Vietnamese
4	ĐOÀN TUẤN DƯƠNG	P4	39	1	5			67	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CAO	P4	43-44	2	10			65	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG MINH TUẤN	P4	55	1	13			77	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ HUY	P4	50	1	4			72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	53	1	4			72	KHI	Vietnamese
9	TRẦN SƠN TIẾN	P4	49	1	8			67	KHI	Vietnamese
10	LÊ VĂN MẠNH	P4						58	KHI	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC DUY	P4	52	1	4			62	KHI	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	54	1	5			77	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH CANG	P4	40	1	5	1	17	78	KHI	Vietnamese
14	HOANG MINH THƯƠNG	P4	45-46	2	19			64	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THIỀU	P4	51	1	13			72	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HOANG	P4	42	1	11			77	CODIEN	Vietnamese
17	TRƯƠNG HAI HA	PPD	78	1	7	3	37	70	KHI	Vietnamese
18	LÊ THANH TRUNG	PPD	77	1	4	1	10	66	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ HUNG	PPD	75	1	4			74	KHI	Vietnamese
20	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD						88	KHI	Vietnamese
21	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	76	1	7			59	KHI	Vietnamese
22	LÊ QUANG NINH	PPD						68	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	16	1.117	19	145	1	17	7		
2	PPD	6	425	4	22	4	47	15		
TOTAL		22	1.542	23	167	5	64	22		
WEIGHT KG			1.542		167		64			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: P6 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO - NNAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM NGỌC AN	P6	77-78	2	7	2	20	71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG BACH	P6	79	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HUNG	P6	82	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUY THÔNG	P6	80	1	3			82	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐÌNH HUẤN	P6	84	1	4			49	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ TRƯỜNG DIỄN	P6	85	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ QUANG VINH	P6	87-88	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRUONG	P6	81	1	5			68	PSV	Vietnamese
9	ĐỖ KHÁC ĐÀ	P6	83	1	6			67	PSV	Vietnamese
10	HOANG VAN TRỌNG	P6	89	1	5			96	PSV	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC CƯỜNG (1967)	P6	86	1	7			53	PSV	Vietnamese
12	LÊ TRẦN MINH KHANH	P6	74	1	7			61	PSV	Vietnamese
13	LÊ VĂN TÂN	P8	63	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THÈ CHINH	P8	43	1	10			57	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ CHÈ LINH	P8	64	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN CÔNG TINH	P8	38	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TRUNG	P8	39	1	4			91	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH VINH	P8	44	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ DUY TRUONG	P8	40	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	41	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VIỆT HÒA	P8	42	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN NHAN	P8	45-46	2	16			72	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	12	826	14	88	2	20	10		
2	P8	10	716	11	67	0	0	12		
TOTAL		22	1.542	25	155	2	20	22		
WEIGHT KG			1.542		155		20			

GRAND TOAL: 1.717 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: P8 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: PHÚ - VTHU - THÔNG	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	66	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VŨ HÙNG	P8	69-70	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	65	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ TRẦN TRUNG	P8	94-95	2	21			72	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN HOÀN	P8	85-87	3	16			57	CODIEN	Vietnamese
6	ĐẶNG TIẾN TOÀN	P8	92-93	2	22			83	CODIEN	Vietnamese
7	QUÁCH SỸ TY	P8	78-79	2	16			68	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN PHÚ	P8	67-68	2	18			70	CODIEN	Vietnamese
9	THÂN VĂN KIẾN	P8	91	1	5			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN KHA	P8	83-84	2	22			78	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN QUÝ THUẬN	P8	81-82	2	15			54	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN MINH TÀI	P8	71	1	15			70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HUY	P8	88	1	12			58	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ SƠN	P8	89-90	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ THẾ GIÁP	P8	80	1	18			66	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HOÀN	P8	77	1	11			64	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH BÌNH	P8	75	1	3			71	PSV	Vietnamese
18	HA VĂN THIÊN	P8	76	1	4			73	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	72	1	7			77	PSV	Vietnamese
20	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	74	1	5			57	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀI	P8	73	1	10			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	21	1.410	31	260	0	0	12		
2	RP3	0	0	0	0	6	100	10		
TOTAL		21	1.410	31	260	6	100	22		
WEIGHT KG			1.410		260		100			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: TTC2 - TTC1 - TTC3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - QTRƯỜNG	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ HOÀNG LONG	TTC2	50	1	9	3	45	78	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN THUC	TTC2	49	1	7			51	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TRUONG AN	TTC2	47	1	11			84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TUAN MINH	TTC2	46	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUANG MINH	TTC2	52	1	9			99	XAYLAP	Vietnamese
6	PHAM VIET HUNG	TTC2	54-55	2	14			65	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI ANH TUAN	TTC2	56-57	2	12			65	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC HUY	TTC2	53	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM VAN DOAN	TTC2	48	1	16			63	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HUYNH	TTC2	51	1	4			76	PSV	Vietnamese
11	LÊ VAN BAY	TTC1	56-57	2	18			55	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAM VAN THOONG	TTC1	58	1	13	1	14	54	XAYLAP	Vietnamese
13	KIEU HAI DUONG	TTC1	52	1	8			64	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN NGOC TAM	TTC1	54-55	2	13			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN TIEN TRUONG	TTC1	60	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐO LÊ SƠN	TTC1	51	1	16			73	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VAN THỊNH	TTC1	53	1	10			65	PSV	Vietnamese
18	BACH ANH TUAN	TTC3	96	1	6	3	45	68	KH-THAC	Vietnamese
19	TÔ TIEN DUNG	TTC3	97-98	2	8			72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN BAC	TTC3	95	1	3			62	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG TRUNG HAU	TTC3	94	1	3			68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN XUAN HOA	TTC3						69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TTC2	10	727	12	104	3	45	5		
2	TTC1	7	458	9	93	1	14	12		
3	TTC3	5	339	5	20	3	45	5		
TOTAL		22	1.524	26	217	7	104	22		
WEIGHT KG			1.524		217		104			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/04/2025	TO: BK19 - P4 - BK15	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: LINH - HTRUNG - TOAN	ETA: 14:05
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU XUAN QUY	BK19	12	1	9			100	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TRUNG TUAN	BK19	18	1	17			72	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DINH QUANG	BK19	13-14	2	17			76	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DUC DUNG	BK19	19	1	14			82	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO VAN TINH	BK19	15-16	2	14			64	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HA	BK19	17	1	10			76	PSV	Vietnamese
7	VU QUANG TUAN	P4	35	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
8	TRAN THANH HIEP	P4	33	1	12			78	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TUAN	P4	34	1	14			80	CODIEN	Vietnamese
10	ZAGUDAEV VITALII	P4	29	1	4			78	KHI	Russian
11	OVCHARENKO ANDREI	P4	28	1	6	3	60	82	KHI	Russian
12	DUONG DINH HIEN	P4	31	1	4			63	KHI	Vietnamese
13	TRAN VAN NAM	P4	30	1	5			72	KHI	Vietnamese
14	LE QUANG VINH	P4	32	1	7			70	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC HAI	BK15	26	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH THANG	BK15	25	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN DUONG HOE	BK15	27	1	10	3	45	74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DUC TUNG	BK15	24	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG KHA	BK15	29	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VIET DUNG	BK15	30-31	2	10			60	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG THAI LONG	BK15	28	1	5			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK19	6	470	8	81	0	0	4		
2	P4	8	593	8	62	3	60	7		
3	BK15	7	464	8	47	3	45	11		
TOTAL		21	1.527	24	190	6	105	22		
WEIGHT KG			1.527		190		105			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN